

Bản án số: 28/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 07-9-2018

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG - TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quang Uyên

2. Ông Trần Quang Chương

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Nhung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Mai Ngọc - Kiểm sát viên

Ngày 07/9/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 100/2018/TLST- HNGĐ ngày 16/5/2018 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/8/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1993

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố P, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nơi ở: Xóm C, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc - Có mặt.

Bị đơn: Anh Đào Tiến L, sinh năm: 1988

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố P, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Hiện đang tập trung cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy Đ.

Địa chỉ: xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước - Vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/5/2018, bản tự khai ngày 16/5/2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Đào Tiến L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 27/12/2013 tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai theo giấy chứng nhận kết hôn số 101, ngày 27/12/2013. Sau kết hôn vợ chồng chị chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh L chơi bời nghiện hút chất ma túy, không chăm lo gia đình. Nhiều lần anh còn vô cớ chửi bới đánh đập chị, đầu năm 2015 khi chị sinh con vợ chồng vẫn tiếp tục mâu thuẫn, mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình hai bên tham gia khuyên bảo hòa giải nhiều lần, nhưng anh L không thay đổi nên mâu thuẫn của anh chị

ngày càng trầm trọng hơn. Do không khắc phục được mâu thuẫn nên sau khi sinh con được 04 tháng chị đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở Xóm C, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc sinh sống và anh chị đã sống ly thân từ tháng 5/2015. Ngày 01/11/2017 anh L bị bắt đi tập trung cai nghiện, hiện anh L đang cai nghiện ma túy tại Cơ sở cai nghiện ma túy Đ. Địa chỉ: xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đào Tiến L.

Đối với anh Đào Tiến L tại biên bản lấy lời khai ngày 15/6/2018 anh trình bày vợ chồng anh sống hạnh phúc, ít xảy ra mâu thuẫn, nhưng giữa anh và gia đình bố mẹ của chị H hay xảy ra mâu thuẫn, bản thân anh cũng tự nhận thức anh nghiện ma túy bị đưa đi cai nghiện làm vợ chồng xa cách, một mình chị H phải nuôi con nên chị có buồn phiền về anh. Anh vẫn còn yêu thương vợ con nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Đào Tiến L xác nhận anh chị có một người con chung cháu Đào Thị Hoài A, sinh ngày 22/01/2015 hiện cháu đang ở với chị H. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Đào Tiến L phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh Đào Tiến L cũng có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung, anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Đào Tiến L đều xác nhận anh chị không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với vụ án này Tòa án không tiến hành hoà giải được việc ly hôn, nuôi dưỡng chăm sóc con chung vì một bên đương sự tập trung cai nghiện.

Về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án, nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng cứ về nhân thân, địa chỉ thường trú, chứng cứ chứng minh về việc có đăng ký kết hôn và có con chung, chứng cứ chứng minh mâu thuẫn gia đình và về thu nhập cá nhân. Bị đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ gì.

Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị H có mặt, anh Đào Tiến L có đơn xin xét xử vắng mặt và hai anh chị vẫn giữ nguyên yêu cầu nguyện vọng của mình. Như vậy cần xét xử vắng mặt anh là phù hợp với Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đều tuân theo trình tự pháp luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật quy định, bị đơn không thực hiện được các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đều được Thẩm phán thu thập đúng trình tự, thủ tục luật định. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 56; Các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 228, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy

định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Đào Tiến L;

Xử giao cháu Đào Thị Hoài A, sinh ngày 22/01/2015 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Đào Tiến L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Tuyên nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo cho các đương sự theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Chị Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” với anh Đào Tiến L. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Đào Tiến L là hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, Nguyên nhân do anh L chơi bời nghiện hút chất ma túy, không chăm lo gia đình, vợ con. Đầu năm 2015 chị sinh con vợ chồng vẫn tiếp tục mâu thuẫn nên sau khi sinh con được 4 tháng chị đưa con về ở với bố mẹ đẻ ở, vợ chồng đã tự sống ly thân từ tháng 5/2015, trong thời gian sống ly thân hai bên không còn quan tâm thăm hỏi đến nhau, cuối năm 2017 anh L bị đưa đi tập trung cai nghiện. Việc mâu thuẫn của anh chị đã được chính quyền địa phương xác nhận. Đối với anh Đào Tiến L cho rằng vợ chồng anh sống hạnh phúc, ít xảy ra mâu thuẫn, anh vẫn còn yêu thương vợ con nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên anh không đưa ra được chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp có đủ cơ sở khẳng định tình trạng hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần áp dụng Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Đào Tiến L.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Đào Tiến L có một con chung là cháu Đào Thị Hoài A, sinh ngày 22/01/2015, cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang ở cùng chị H. Tại phiên tòa chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A và không yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của chị H. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Đào Thị Hoài A đang ở cùng chị H, chị H đã cung cấp được chứng cứ chứng minh chị đang kinh doanh tự do tại gia đình mức thu nhập bình quân là 6.000.000đ/tháng, còn anh Đào Tiến L hiện đang phải tập trung cai nghiện. Vì vậy để đảm bảo cuộc sống ổn định của cháu Đào Thị Hoài A, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu nên theo Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình cần giao cháu Đào Thị Hoài A cho chị Nguyễn

Thị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung, chị Nguyễn Thị H không yêu cầu về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Đào Tiến L xác nhận anh chị không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không cho ai vay mượn gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 228; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn với anh Đào Tiến L.

2/ Về con chung: Xử giao cháu Đào Thị Hoài A, sinh ngày 22/01/2015 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Đào Tiến L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn anh Đào Tiến L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai theo biên lai số 0007559 ngày 16/5/2018. Chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LC;
- VKSND huyện BT(02);
- UBND TT Phố Lu;
- Đường sự (2);
- Chi cục THADS BT;
- Lưu HS, TA, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Phạm Thị Thu Hằng